

**CÔNG TY TNHH TNHH OC HOÀNG HÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TNHH OC HOÀNG HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OC HOANG HA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: OC HOANG HA CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110835548

**3. Ngày thành lập:** 13/09/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11 ngách 36, ngõ 373 An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0947531578

Fax:

Email: [duonghueftuk50@gmail.com](mailto:duonghueftuk50@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1811        |
| 2.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1820        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649        |
| 5.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4771        |
| 6.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện, internet (website, mạng xã hội, sàn giao dịch thương mại điện tử...)                                                                                                                                    | 4791(Chính) |
| 7.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức chuyển phát theo địa chỉ; giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng                                                                                                                                                                                            | 4799        |
| 8.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim video trên chất liệu băng, đĩa hoặc phương tiện khác (trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 5911        |
| 9.  | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5920        |
| 10. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6311        |
| 11. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6312        |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310        |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320        |
| 14. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7420        |
| 15. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; Hoạt động môi giới bản quyền; Hoạt động đại diện cá nhân liên quan đến việc tuyển dụng người cho điện ảnh, âm nhạc hoặc thể thao, giải trí                                                       | 7490        |
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 17. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9000        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: DUỖNG THỊ HUỆ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 16/02/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042193011823

Ngày cấp: 24/05/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ Dân Phố 6, Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ Dân Phố 6, Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042188019469

Ngày cấp: 01/06/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1010, Tòa CT2a, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 1010, Tòa CT2a, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội